

KINH SỐ 8¹

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thành La-duyệt, trong Ca-lan-đà Trúc viên, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo, khi đến giờ, khoác y, cầm bát, vào thành La-duyệt khát thực. Khi ấy, số đông Tỳ-kheo nghĩ như vậy: “Chúng ta vào thành khát thực, nhưng còn quá sớm. Chúng ta hãy đến chỗ ngoại đạo dị học để cùng luận nghị.” Rồi chúng Tỳ-kheo đi đến chỗ ngoại đạo dị học.

Khi các ngoại đạo thấy các Sa-môn đến, bảo nhau rằng: “Các bạn hãy giữ im lặng, chớ nói lớn tiếng. Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm đang đi đến đây. Pháp của Sa-môn ca ngợi những người im lặng. Chớ để họ biết chánh pháp của chúng ta loạn hay không loạn.

Bấy giờ, số đông các Tỳ-kheo đi đến chỗ ngoại đạo dị học, sau khi chào hỏi nhau, ngồi xuống một bên. Khi ấy, các ngoại đạo hỏi các Tỳ-kheo:

–Sa-môn Cù-đàm của các ông dạy các đệ tử bằng diệu pháp này, rằng: “Này các Tỳ-kheo, hãy thấu suốt hết thấy các pháp và hãy tự mình an trú.² Phải vậy chăng? Chúng tôi cũng dạy các đệ tử diệu pháp này để tự an trú. Những điều tôi nói có gì khác với các ông, có gì sai biệt? Thuyết pháp, giáo giới cùng như nhau, không có gì khác.”

Số đông các Tỳ-kheo, sau khi nghe những điều ngoại đạo nói, không khen hay, cũng không chê dỡ, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy mà bỏ đi.

Sau đó, các Tỳ-kheo bảo nhau: “Chúng ta hãy đem nghĩa lý này đến bạch Thế Tôn. Nếu Như Lai có dạy điều gì, chúng ta sẽ ghi nhớ mà phụng hành.

Rồi số đông các Tỳ-kheo, sau khi vào thành La-duyệt khát thực, trở về trong phòng, cất y bát, đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy số đông các Tỳ-kheo đem duyên sự trước đó kể hết với Như Lai.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Sau khi các ngoại đạo dị học kia hỏi nghĩa này, các ông hãy trả lời bằng những lời này: Luận một điều, nghĩa một điều, diễn một điều; cho đến, luận mười, nghĩa mười, diễn mười.³ Khi nói lời này có ý nghĩa gì, các ông mang lời này đến hỏi, những người kia sẽ không thể trả lời. Các ngoại đạo do thế càng tăng thêm ngu hoặc. Vì sao? Vì không phải là cảnh giới của họ. Cho nên, Tỳ-kheo, Ta không thấy có Trời, Người, Ma hoặc Ma thiên, Đế Thích, Phạm Thiên vương, mà có thể trả lời được điều đó, trừ Như Lai và đệ tử của Như Lai nghe từ Ta nói, điều này không luận đến.

Luận một, nghĩa một, diễn một; Ta tuy đã nói ý nghĩa này, nhưng do đâu mà nói? Hết thấy chúng sinh do thức ăn mà tồn tại; không thức ăn thì chết. Tỳ-kheo đối với pháp ấy mà bình đẳng nhằm lởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ;⁴ đồng một nghĩa, không hai⁵ điều mà Ta

¹. Pāli, A.X. 27. Mahāpañhā 1 (R.v. 48).

². Pāli: Sabbaṃ dhammaṃ abhiññātha, sabbaṃ dhammaṃ abhiññāya viharathā'ti, các ông hãy chứng tri tất cả pháp. Sau khi chứng tri tất cả pháp, các ông hay an trú.

³. Pāli: Eko, āvuso, pañho eko uddeso ekaṃ veyyākaraṇaṃ, dve pañhā dve uddesā dve veyyākaraṇāni,... dasa pañhā dasuddesā dasa veyyākaraṇāni'ti, một câu hỏi, một tuyên bố, một trả lời, cho đến, mười...

⁴. Pāli: Sammā nibbindamāno sammā virajjamāno sammā vimuccamānosammā pariyanta-dassāvī sammadatthaṃ abhisamecca diṭṭheva dhamme dukkhassantakaro hoti, chân chánh yếm ly, chân chánh ly tham, chân chánh giải thoát, chân chánh quán sát biên tế, chân chánh hiện quán nghĩa lý, ngay trong

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nói, chính xác là như vậy.

Nghĩa một, luận một, diễn một, cho đến luận mười, nghĩa mười, diễn mười;⁶ Ta tuy đã nói ý nghĩa này, nhưng do đâu mà nói? Danh và sắc. Danh là gì? Thọ*, tưởng, niệm, xúc*, tư duy; đó là danh. Cái kia sao gọi là sắc? Bốn đại và sắc do bốn đại tạo; đó gọi là sắc, do duyên bởi căn bản này mà nói là sắc. Luận hai, nghĩa hai, diễn hai, do bởi nhân duyên này mà Ta nói đến. Tỳ-kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ.

Luận ba, nghĩa ba, diễn ba; do đâu mà nói nghĩa này? Do ba thọ* Những gì là ba? Khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Vì sao được nói là lạc thọ? Trong tâm có ý tưởng lạc, cũng không phân tán; đó gọi là lạc thọ. Vì sao được nói là khổ thọ? Trong tâm mê loạn không định tĩnh chuyên nhất, tư duy với nhiều ý tưởng khác nhau; đó gọi là khổ thọ.⁷ Thế nào là cảm thọ không khổ không lạc? Ý tưởng không khổ không lạc trong tâm, lại không phải là chuyên nhất định tĩnh, cũng không phải loạn tưởng, cũng không tư duy pháp và phi pháp, hằng tự tịch mặc, tâm không có ghi nhận gì; đó gọi là cảm thọ không khổ không lạc. Tỳ-kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Luận ba, nghĩa ba, diễn ba, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận bốn, nghĩa bốn, diễn bốn; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là bốn Đế⁸. Những gì là bốn? Thánh đế Khổ, Tập, Tận, Đạo. Vì sao được gọi là Thánh đế khổ? Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo, buồn, não khổ, oán ghét gặp nhau khổ, ân ái biệt ly khổ, ước muốn không được khổ.⁹ Vì sao được gọi là Thánh đế tập? Căn bản ái cùng với dục tương ứng.¹⁰ Vì sao được gọi là Thánh đế tận? Ái kia vĩnh viễn đoạn tận không còn tàn dư cũng không tái sinh khởi; đó gọi là Khổ tận đế. Vì sao được gọi là Thánh đế khổ xuất yếu? Đó là tám phẩm đạo của Hiền thánh: Chánh kiến, chánh tri, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh Tam-muội; đó là đạo có tám phẩm. Tỳ-kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa của nó, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận bốn, nghĩa bốn, diễn bốn, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận năm, nghĩa năm, diễn năm; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là năm căn¹¹. Những gì là năm? Căn tín, căn tinh tấn, căn niệm, căn định, căn tuệ. Thế nào là căn tín? Hiền thánh đệ tử tin đạo pháp của Như Lai, rằng Như Lai là Bạc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Thành Vi, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu, xuất hiện ở đời. Đó gọi là căn tín. Thế nào là căn tinh tấn? Thân, tâm, ý tinh cần không mệt mỏi; diệt pháp bất thiện, tăng ích pháp thiện, hằng chấp trì tâm; đó là căn tinh tấn. Thế nào là căn niệm? Tụng tập không quên, hằng giữ

đời này mà chấm dứt biên tế khổ.

5. Để bản và Tống nhảy sót. Nguyên, Minh bỏ khuyết: nhất luận nhất nghĩa nhất diễn, một luận, một nghĩa, một diễn (điều mà Ta đã nói...).

6. Có thể để bản chép nhầm. Nguyên Minh: “Luận hai, nghĩa hai, diễn hai”.

7. Định nghĩa không thấy trong Pāli.

8. Pāli: Bốn loại thức ăn (catkūsu āhāresu).

9. Nguyên Minh thêm: “Tóm tắt, năm thanh ấm khổ. Đó gọi là Thánh đế Khổ.”

10. Hán: 愛本與欲相應. Chính xác nên hiểu là “khát ái đương lai câu hữu với hỷ tham (Pāli: Taṇhā ponobhavikā nandirāgasahagatā, nhưng bản Hán có lẽ đọc: Taṇhā pubbakā, khát ái có từ trước).

11. Pāli: Năm thủ uẩn (pañcasu upādānakkhandhesu).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

trong tâm, ghi nhớ không thất lạc, pháp hữu vi vô lậu không bao giờ bị mất; đó là căn niệm. Thế nào là căn định? Trong tâm không động loạn, không có các tướng sai biệt, hằng chuyên tinh nhất ý; đó là căn Tam-muội. Thế nào là căn trí tuệ? Biết Khổ, biết Tập, biết Tân, biết Đạo; đó là căn trí tuệ. Đó là năm Căn. Tỳ-kheo ở trong đó mà bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận năm, nghĩa năm, diễn năm, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận sáu, nghĩa sáu, diễn sáu; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là sáu trọng pháp¹². Sáu ấy là gì? Ở đây, Tỳ-kheo thường xuyên hành Từ tâm bởi thân, hoặc ở chỗ vắng vẻ, hoặc ở trong phòng, tâm thường như một, đáng tôn, đáng quý, đưa đến hòa hợp. Đây là pháp tôn trọng thứ nhất của Tỳ-kheo. Lại nữa, hành Từ tâm nơi miệng, không khởi ganh tỵ oán ghét, đáng kính, đáng quý; đó là pháp tôn trọng thứ hai. Lại nữa, nếu được lợi dưỡng đúng pháp, cho đến còn dư trong bình bát, đều đem chia cho các bạn đồng phạm hạnh, tâm bình đẳng mà cho; đó là pháp tôn trọng thứ tư, đáng kính, đáng quý. Lại nữa, phụng trì cấm giới không có điều rơi rớt, giới mà bậc Hiền trí quý trọng; đó là pháp tôn trọng thứ năm, đáng kính, đáng quý. Lại nữa, chánh kiến mà Hiền thánh được xuất yếu, đến chỗ chấm dứt khổ tế, ý không tạp loạn, cùng tu hành với các đồng phạm hạnh pháp ấy; đó là pháp tôn trọng thứ sáu, đáng kính, đáng quý. Bấy giờ Tỳ-kheo bình đẳng nhằm tởm, bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt ý nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận sáu, nghĩa sáu, diễn sáu, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận bảy, nghĩa bảy, diễn bảy; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là bảy Y chỉ xứ của thân thức¹³. Bảy ấy là gì? Hoặc có chúng sinh có nhiều tướng sai biệt, nhiều thân sai biệt; đó là trời¹⁴ và người. Hoặc có chúng sinh có nhiều thân nhưng một tướng; đó là trời Phạm-ca-di khi mới thác sinh.¹⁵ Hoặc có chúng sinh một tướng, một thân; đó là trời Quang âm. Hoặc có chúng sinh một thân, nhiều tướng sai biệt; đó là trời Biến tịnh. Hoặc có chúng sinh không xứ vô lượng; đó là trời Không xứ. Hoặc có chúng sinh thức xứ vô lượng; đó là trời Thức xứ. Hoặc có chúng sinh vô sở hữu xứ vô lượng; đó là trời Bất dụng xứ. Hoặc có chúng sinh hữu tướng vô tướng xứ vô lượng; đó là trời Hữu tướng vô tướng¹⁶. Đó là bảy Y chỉ xứ của thân (thức). Ở đó, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận bảy, nghĩa bảy, diễn bảy, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận tám, nghĩa tám, diễn tám; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là tám pháp thế gian¹⁷, tùy theo đời mà xoay chuyển. Tám ấy là gì? Đắc, thất, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.¹⁸ Đó là tám pháp thế gian, tùy theo đời mà xoay chuyển. Tỳ-kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận tám, nghĩa tám, diễn tám, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận chín, nghĩa chín, diễn chín; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là chín cư xứ của chúng sinh¹⁹. Những gì là chín? Hoặc có chúng sinh có nhiều tướng sai biệt, nhiều thân

¹². Sáu pháp tôn trọng, xem kinh số 1 phẩm 37. Pāli: Sáu nội xứ (Chasu ajjhattikesu āyatanesu).

¹³. Pāli: Sattasu viññāṇaṭṭhitīsu, bảy thức trú.

¹⁴. Chính xác: Một bộ phận của chư Thiên.

¹⁵. Chính xác: Xuất hiện vào thời kiếp sơ.

¹⁶. Hán dịch dư trú xứ thứ tám. Trú xứ của thức chỉ đến Vô sở hữu xứ thiên. Xem Tập Dị 17, mục Bảy pháp.

¹⁷. Pāli: Aṭṭhasu lokadhammesu.

¹⁸. Nguyên Hán: Lợi suy hủy dự xứng ky khổ lạc 利 . 衰 . 毀 . 譽 . 稱 . 譏 . 苦 . 樂.

¹⁹. Pāli: Navasu sattāvāsesu, chín hữu tình cư.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

sai biệt; đó là trời và người.²⁰ Hoặc có chúng sinh có nhiều thân nhưng một tướng; đó là trời Phạm-ca-di khi mới thác sinh. Hoặc có chúng sinh một tướng, một thân; đó là trời Quang âm. Hoặc có chúng sinh một thân, nhiều tướng sai biệt; đó là trời Biến tịnh²¹. Hoặc có chúng sinh không xứ vô lượng; đó là trời Không xứ. Hoặc có chúng sinh thức xứ vô lượng; đó là trời Thức xứ. Hoặc có chúng sinh vô sở hữu xứ vô lượng; đó là trời Bất dụng xứ. Hoặc có chúng sinh hữu tướng vô tướng xứ vô lượng; đó là trời Hữu tướng vô tướng. Vô tướng chúng sinh và các loài thọ sinh khác, đó là chín Y chỉ xứ của thần (thức). Tỳ-kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận chín, nghĩa chín, diễn chín, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Luận mười, nghĩa mười, diễn mười; do đâu mà nói nghĩa này? Đó là mười niệm.²² Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Chỉ tức, niệm An-ban, niệm Thân, niệm Sự chết. Tỳ-kheo trong đó bình đẳng giải thoát, cho đến, bình đẳng chấm dứt biên tế khổ. Đó là luận mười, nghĩa mười, diễn mười, điều mà Ta nói, chính xác là như vậy.

Như vậy, Tỳ-kheo, từ một cho đến mười, Tỳ-kheo nên biết, nếu ngoại đạo dị học mà nghe những lời này, còn chưa dám nhìn kỹ vào sắc mặt, hướng nữa là trả lời. Tỳ-kheo nào hiểu rõ được nghĩa này, ở ngay trong hiện pháp, là người tối tôn đệ nhất.

Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào tư duy nghĩa này, cho đến mười năm, nhất định thành tựu hai quả: Hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm.

Tỳ-kheo, hãy bỏ qua mười năm; nếu trong một năm mà tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, trọn không nửa chừng thoái thất.

Tỳ-kheo, hãy bỏ qua một năm. Trong bốn bộ chúng, trong mười tháng, cho đến một tháng, ai tư duy nghĩa này, ắt thành tựu hai quả, cũng không nửa chừng thoái thất.

Vã, hãy bỏ qua một tháng. Ai trong bốn bộ chúng bảy ngày tư duy nghĩa này ắt thành tựu hai quả, quyết không nghi ngờ.

Khi ấy A-nan ở sau Thế Tôn cầm quạt Phật. Bấy giờ A-nan bạch Phật:

– Thế Tôn, pháp này cực kỳ sâu thẳm. Ở địa phương nào có pháp này, nên biết ở đó gặp được Như Lai. Kính bạch Thế Tôn, pháp này tên gọi là gì? Nên phụng hành như thế nào?

Phật bảo A-nan:

– Kinh này có tên là Nghĩa Cửa Pháp Mười. Hãy ghi nhớ phụng hành.

Bấy giờ A-nan và các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 9²³

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ Thế Tôn

²⁰. Xem cht. trên.

²¹. Hán dịch sót hữu tình cư thứ năm: Vô tướng thiên.

²². Pāli: Dasasu akusalesu kammaphesu, mười nghiệp đạo bất thiện.

²³. Pāli, A.X. 56-57. Saññā (R.v. 105).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nói với các Tỳ-kheo:

–Những ai tu hành mười tướng, sẽ diệt tận các lậu, đạt được thần thông, tự thân tác chứng, dần dần đạt đến Niết-bàn. Những gì là mười? Tướng xương trắng, tướng bầm tím, tướng sinh chương, tướng ăn không tiêu²⁴, tướng huyết, tướng nhai cắn²⁵, tướng thường vô thường, tướng tham thực, tướng sự chết, tướng tất cả thế gian không có gì lạc²⁶. Đó là mười tướng mà Tỳ-kheo tu tập sẽ diệt tận các lậu, đạt đến Niết-bàn giới.

Lại nữa, Tỳ-kheo, trong mười tướng này, tướng tất cả thế gian không có gì đáng vui là tối đệ nhất. Vì sao? Người tu hành về sự không có gì đáng vui và người thọ trì, tín phụng pháp; hai hạng người này tất vượt bậc mà thủ chứng.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy ngồi dưới gốc cây, nơi chỗ vắng vẻ, giữa trời trống, tư duy mười tướng này.

Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 10

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Rồi Tỳ-kheo này bạch Thế Tôn:

–Như Lai hôm nay dạy các Tỳ-kheo pháp mười tướng. Những ai tu hành có thể đoạn trừ các lậu, thành hạnh vô lậu. Thế Tôn, như con thì không có khả năng tu hành các tướng này. Sở dĩ vì dục tâm của con quá nhiều, thân ý hừng hực không thể yên nghỉ.

Bấy giờ Thế Tôn nói với Tỳ-kheo ấy:

–Người hãy xả bỏ tướng về mà tư duy tướng về bất tịnh; xả tướng về thường mà tư duy tướng về vô thường; xả hữu ngã tướng mà tư duy vô ngã tướng, xả khả lạc tướng mà tư duy bất khả lạc tướng. Vì sao? Nếu Tỳ-kheo tư duy tịnh tướng, dục tâm liền hừng hực; nếu tư duy bất tịnh tướng, sẽ không có dục tâm.

Tỳ-kheo nên biết, dục là bất tịnh, như đống phân kia; dục như con sáo bắt chước giọng nói; dục không đến đáp, lại như rắn độc kia; dục như ảo thuật, như tuyết tan dưới nắng. Hãy niệm xả bỏ dục như vất bỏ trong bãi tha ma. Dục trở lại hại mình như rắn chứa chất độc. Dục không biết chán như khát mà uống nước mặn. Dục khó được thỏa mãn như biển nuốt sông. Dục có nhiều tai họa như xóm La-sát. Dục như kẻ thù hãy nên tránh xa. Dục như một chút mật ngọt dính trên lưỡi dao. Dục không đáng yêu như xương trắng trên

²⁴. Chỉ tử thi mà chim, thú ăn chưa hết.

²⁵. Chỉ tử thi bị chim thú ăn.

²⁶. Chín tướng đầu thuộc sáu đề mục trong chín đề mục quán tử thi. Pāli: asubhasaññā (bất tịnh tướng), maraṇasaññā (tử tướng), āhāre paṭikūlasaññā (yếm nghịch thực tướng, ghê tởm thức ăn), sabbaloke anabhiratasaññā (thế gian bất khả lạc tướng), aniccasaññā (vô thường tướng), anicce dukkhasaññā (vô thường tức khổ tướng), dukkhe anattasaññā (khổ tức vô ngã tướng), pahānasaññā (đoạn tướng), virāgasaññā (ly tham tướng), nirodhasaññā (diệt tận tướng). Cf. Tỳ-bà-sa 166 (tr. 836c23): Vô thường tướng, vô thường khổ tướng, khổ vô ngã tướng, tử tướng, bất tịnh tướng, yếm thức tướng, nhất thiết thế gian bất khả lạc tướng, đoạn tướng, ly tướng, diệt tướng.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đường. Dục hiện ngoại hình như hoa mọc trong nhà xí. Dục không chân thật như bình vẽ kia bên trong chứa đồ hôi thối, bên ngoài trông đẹp đẽ. Dục không bền chắc như đồng bọt nước. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy niệm tưởng tránh xa tướng tham dục.

Tỳ-kheo, nay ông hãy nhớ, xưa ông đã phụng hành mười tướng nơi Phật ca-diếp. Hôm nay hãy lặp lại tư duy mười tướng, tâm giải thoát khỏi hữu lậu.

Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo ấy buồn rầu rơi lệ không cầm được, tức thì cúi đầu lạy dưới chân Phật, bạch Thế Tôn:

–Vâng, bạch Thế Tôn. Con chất chứa ngu hoặc đã lâu. Như Lai tự thân thuyết mười tướng, con mới có thể xa lìa dục. nay con xin sám hối, về sau không còn tái phạm. Cúi xin Như Lai chấp nhận sự sám hối lỗi lầm nghiêm trọng này; lượng thứ cho điều mà con bất cập.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Ta nhận sự sửa lỗi của ông. Hãy chớ tái phạm. Lại nữa, Như Lai đã dạy ông mười tướng, mà ông không chịu phụng trì.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe Thế Tôn giáo giới, sống nơi chỗ nhàn tĩnh, tự mình khắc kỷ tư duy, vì mục đích mà thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác ba pháp y, tu phạm hạnh vô thượng, ấy là muốn đạt thành sở nguyện, như thật biết: “Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.” Bấy giờ Tỳ-kheo thành A-la-hán.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

Kệ tóm tắt:

*Kết cấm, Hiền thánh cư
Hai lục và mười niệm
Thân quốc, không quái ngại
Mười luân tưởng, quán tưởng.*

